

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thanh V**, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 45 đường N 16, tổ 103, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn A1**, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 45 đường N 16, tổ 103, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Văn A1 *(Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và*

ông Nguyễn Văn A1 nên giấy chứng nhận kết hôn số 48; quyển số 01/2004 do UBND phường N cấp ngày 28/4/2004 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Nguyễn Văn A1 thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Bà V và ông A1 xác định không có.

2.3 Về tài sản chung: Ngày 21/11/2022, bà V có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Do đó đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Thanh V đối với ông Nguyễn Văn A1.

2.4 Về nợ chung: Bà V và ông A1 xác định không có.

3. Án phí HNGĐ-ST:

+ 75.000 đồng bà Nguyễn Thị Thanh V không phải chịu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016.

+ Ông Nguyễn Văn A1 phải chịu án phí 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh

